

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 228/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Thuận Châu
 Vị trí lấy mẫu : Vòi nước sinh hoạt nhà Quàng Văn Hình - Bản Thảm - Tông Lạnh
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 14/T4/2024
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 228/BB ngày 02 tháng 04 năm 2024
 Ngày phân tích : 02 - 04/04/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.18	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	<3.7 Lod: 3.7	15	SMEWW 2120C:2017
3	Mùi (*)	-	Không mùi	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
4	Vị (*)	-	Không vị	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
5	Chỉ số pH	-	7.81	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
6	Clo dư	mg/L	0.36	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
7	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
8	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	284	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH Lod: 0.08	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	0.29	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	< 0.1 Lod: 0.1	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.57	2	TCVN 6180:1996

6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9123B
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881-2011

Sơn La, ngày 08 tháng 04 năm 2024

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc






Nguyễn Hoàng Lâm

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2024.04.25.06/TN



Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa Trạm cấp nước Chiềng Ly – CNCN Thuận Châu
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 2024.04.02/BBGM. Ngày 02 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500- NH_4^+E :2017
2	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
3	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
4	Hàm lượng Bari(*)	mg/l	0,021	0,7	SMEWW 3125:2012
5	Hàm lượng Bo(*)	mg/l	0,011	0,3	SMEWW 3125:2012
6	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
7	Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
8	Chromium (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,00393)	0,05	TCCS HD – 02/01
9	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
10	Florua(*)	mg/l	< 0,07	1,5	SMEWW 4500F-D:2017
11	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	2	TCCS HD – 01/01
12	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
13	Natri(*)	mg/l	2,14	200	SMEWW 3111.B:2017

14	Nhôm(*)	mg/l	0,04	0,2	SMEWW 3125B:2017
15	Nickel (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,07	TCCS HD – 02/01
16	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
17	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	< 10	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017
18	Sunfua (S ²⁻)(*)	mg/l	< 0,026	0,05	SMEWW 4500 S ²⁻ D:2017
19	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod: 0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
20	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	220	1000	SMEWW 2540 C:2017
21	Hàm lượng Xianua(*)	mg/l	< 0,002	0,05	SMEWW4500-CN .F :2017
22	1,1,1 - Tricloroetan(*)	µg/l	< 0,04	2000	EPA 524.2
23	1,2 Dicloroetan(*)	µg/l	< 0,03	30	EPA 524.2
24	1,2 Dicloroeten(*)	µg/l	< 0,03	50	EPA 524.2
25	Cacbontetraclorua(*)	µg/l	< 0,26	2	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
26	Diclorometan(*)	µg/l	< 0,13	20	EPA 524.2
27	Tetracloroeten(*)	µg/l	< 9,0	40	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
28	Tricloroeten(*)	µg/l	< 0,02	20	EPA 524.2
29	Vinyl clorua(*)	µg/l	< 0,02	0,3	EPA 524.2
30	Benzen(*)	µg/l	< 0,3	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
31	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510 C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
32	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP. 44:2022
33	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
34	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510 C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
35	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510 C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003

36	1,2 - Diclorobenzen(*)	µg/l	< 14,0	1000	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
37	Monoclo benzen(*)	µg/l	< 8,0	300	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
38	Triclorobenzen(*)	µg/l	< 0,26	20	EPA 524.2
39	Acrylamide(*)	µg/l	< 0,26	0,5	NIOEH.HD.H.PP. 123:2021
40	Epiclohydrin(*)	µg/l	< 0,13	0,4	GC/ECD
41	Hexacloro butadiene (*)	µg/l	< 0,05	0,6	NIOEH.HD.H.PP. 99:2023
42	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan (*)	µg/l	< 0,05	1,0	EPA 524.2
43	1,2 – Dicloropropan (*)	µg/l	< 0,03	40	EPA 524.2
44	1,3 - Dichloropropen(*)	µg/l	< 0,03	20	EPA 524.2
45	2,4-D(*)	µg/l	< 0,04	30	EPA 515.4
46	2,4 DB(*)	µg/l	< 0,15	90	EPA 515.4
47	Alachlor(*)	µg/l	< 6,0	20	GC/FID
48	Aldicarb(*)	µg/l	< 2,1	10	EPA 531.2
49	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine (*)	µg/l	< 0,14	100	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
50	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
51	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
52	Clodane(*)	µg/l	< 0,021	0,2	EPA 508, Revision 3.1, 1995
53	Clorotoluron(*)	µg/l	< 1,13	30	GC/EDC
54	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
55	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
56	Dichloprop(*)	µg/l	< 1,1	100	EPA 515.4

57	Fenoprop(*)	µg/l	< 1,3	9	GC/EDC
58	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	< 0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
59	Isoproturon(*)	µg/l	< 0,3	9	GC/EDC
60	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
61	Mecoprop(*)	µg/l	< 0,12	10	EPA 555
62	Methoxychlor(*)	µg/l	< 0,012	20	EPA 508, Revision 3.1, 1995
63	Molinate(*)	µg/l	< 0,020	6	NIOEH.HD.H.PP. 129:2023
64	Pendimetalin(*)	µg/l	< 1,0	20	EPA 525.2
65	Permethrin(*)	µg/l	< 0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
66	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
67	Simazine(*)	µg/l	< 0,11	2	NIOEH.HD.H.PP. 130:2023
68	Trifuralin(*)	µg/l	< 0,20	20	EPA 525.2
69	2,4,6 Triclorophenol(*)	µg/l	< 0,20	200	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
70	Bromat (*)	µg/l	< 1,2	10	NIOEH.HD.H.PP. 94:2022
71	Bromodicloromethane(*)	µg/l	0,93	60	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
72	Bromoform (Bromofoc) (*)	µg/l	0,80	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
73	Clorofom(*)	µg/l	< 0,02	300	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
74	Dibromooxetonitril(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
75	Dibromocloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
76	Diclorooxetonitril(*)	µg/l	< 0,001	20	EPA 551.1
77	Axit diclorooaxetic(*)	µg/l	< 0,243	50	US EPA 552.2
78	Focmaldehyde(*)	µg/l	< 0,09	900	NIOEH.HD.H.PP. 116:2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 227/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Thuận Châu
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Chiềng Ly
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 13/T4/2024
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 227/BB ngày 02 tháng 04 năm 2024
 Ngày phân tích : 02 - 04/04/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.37	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	<3.7 Lod: 3.7	15	SMEWW 2120C:2017
3	Mùi (*)	-	Không mùi	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
4	Vị (*)	-	Không vị	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
5	Chỉ số pH	-	7.90	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
6	Clo dư	mg/L	0.45	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
7	Coliform tổng số	CFU/100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
8	<i>E.coli</i>	CFU/100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	254	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH Lod: 0.08	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	0.58	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	< 0.1 Lod: 0.1	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.76	2	TCVN 6180:1996

6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9123B
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881-2011

Sơn La, ngày 08 tháng 04 năm 2024

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc





Nguyễn Hoàng Lâm

Đỗ Quang Phụng

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.04.25.16/TN



Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa Trạm Chiềng Pắc – CNCN Thuận Châu
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 2024.04.02/BBGM. Ngày 02 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
01	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)(*)	mg/l	<0,12	0,3	SMEWW 4500- NH_4^+ E:2017
02	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod:0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
03	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod:0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
04	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
05	Natri (Na) (*)	mg/l	2,14	200	SMEWW 3111.B:2017
06	Nhôm (Al) (*)	mg/l	0,14	0,2	SMEWW 3125B:2017
07	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
08	Sunfat (SO_4^{2-})(*)	mg/l	<10	250	SMEWW 4500 SO_4^{2-} E:2017
09	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01

10	Benzen(*)	µg/l	< 0,3	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
11	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
12	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1,0	NIOEH.HD.H.PP.44:2022
13	Styren(*)	µg/l	<5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
14	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
15	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
16	Carbofuran(*)	µg/l	<0,01	5	EPA 531.2
17	Chlorpyrifos(*)	µg/l	<0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
18	Cyanazine(*)	µg/l	<0,016	0,6	US EPA 525.3
19	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	<0,016	1	TCVN 7876:2008
20	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	<0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
21	MCPA(*)	µg/l	<0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
22	Permethrin(*)	µg/l	<0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
23	Propanil(*)	µg/l	<0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
24	Bromodicloromethane (*)	µg/l	0,93	60	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
25	Bromoform (Bromofoc) (*)	µg/l	0,79	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
26	Cloroform (Clorofoc)(*)	µg/l	<0,02	300	NIOEH.HD.H.PP.115:2023

27	Dibromocloromethane (*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP.115:2023
28	Dibromoaxetonitril(*)	µg/l	<0,001	70	EPA 551.1

Sơn La, ngày 25 tháng 04 năm 2024

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc



Là Văn Khải



Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lod: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 03 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 226/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Thuận Châu
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Chiềng Pắc
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 12/T4/2024
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 226/BB ngày 02 tháng 04 năm 2024
 Ngày phân tích : 02 - 04/04/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.16	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	6.26	15	SMEWW 2120C:2017
3	Mùi (*)	-	Không mùi	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
4	Vị (*)	-	Không vị	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
5	Chỉ số pH	-	7.88	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
6	Clo dư	mg/L	0.40	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
7	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
8	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	296	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH <i>Lod: 0.08</i>	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	0.45	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	< 0.1 <i>Lod: 0.1</i>	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.59	2	TCVN 6180:1996

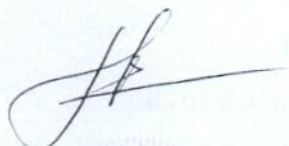
6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9123B
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881-2011

Sơn La, ngày 08 tháng 04 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc





Nguyễn Hoàng Lân

Đỗ Quang Phụng

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2024.04.25.05/TN



Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa Trạm cấp nước Phiêng Ban – CNCN Bắc Yên
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 2024.04.02/BBGM. Ngày 02 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500-NH ₄ ⁺ E:2017
2	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
3	Hàm lượng Bari(*)	mg/l	0,024	0,7	SMEWW 3125:2012
4	Hàm lượng Bo(*)	mg/l	0,016	0,3	SMEWW 3125:2012
5	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
6	Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
7	Chromium (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,00393)	0,05	TCCS HD – 02/01
8	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
9	Florua(*)	mg/l	< 0,07	1,5	SMEWW 4500F-D:2017
10	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	2	TCCS HD – 01/01
11	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
12	Natri(*)	mg/l	2,11	200	SMEWW 3111.B:2017
13	Nhôm(*)	mg/l	0,07	0,2	SMEWW 3125B:2017

14	Nickel (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,07	TCCS HD – 02/01
15	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
16	Sunfat (SO_4^{2-})(*)	mg/l	< 10	250	SMEWW 4500 SO_4^{2-} E:2017
17	Sunfua (S^{2-})(*)	mg/l	< 0,026	0,05	SMEWW 4500 S^{2-} D:2017
18	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod: 0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
19	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	228	1000	SMEWW 2540 C:2017
20	Hàm lượng Xianua(*)	mg/l	< 0,002	0,05	SMEWW4500-CN .F :2017
21	1,1,1 - Tricloroetan(*)	µg/l	< 0,04	2000	EPA 524.2
22	1,2 Dicloroetan(*)	µg/l	< 0,03	30	EPA 524.2
23	1,2 Dicloroeten(*)	µg/l	< 0,03	50	EPA 524.2
24	Cacbontetraclorua(*)	µg/l	< 0,26	2	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
25	Diclorometan(*)	µg/l	< 0,13	20	EPA 524.2
26	Tetracloroeten(*)	µg/l	< 9,0	40	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
27	Tricloroeten(*)	µg/l	< 0,02	20	EPA 524.2
28	Vinyl clorua(*)	µg/l	< 0,02	0,3	EPA 524.2
29	Benzen(*)	µg/l	< 0,3	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
30	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510 C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
31	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP. 44:2022
32	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
33	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510 C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
34	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510 C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
35	1,2 - Diclorobenzen(*)	µg/l	< 14,0	1000	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995

36	Monoclo benzen(*)	µg/l	< 8,0	300	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
37	Triclorobenzen(*)	µg/l	< 0,26	20	EPA 524.2
38	Acrylamide(*)	µg/l	< 0,26	0,5	NIOEH.HD.H.PP. 123:2021
39	Epiclohydrin(*)	µg/l	< 0,13	0,4	GC/ECD
40	Hexacloro butadiene (*)	µg/l	< 0,05	0,6	NIOEH.HD.H.PP. 99:2023
41	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan (*)	µg/l	< 0,05	1,0	EPA 524.2
42	1,2 – Dicloropropan (*)	µg/l	< 0,03	40	EPA 524.2
43	1,3 - Dichloropropen(*)	µg/l	< 0,03	20	EPA 524.2
44	2,4-D(*)	µg/l	< 0,04	30	EPA 515.4
45	2,4 DB(*)	µg/l	< 0,15	90	EPA 515.4
46	Alachlor(*)	µg/l	< 6,0	20	GC/FID
47	Aldicarb(*)	µg/l	< 2,1	10	EPA 531.2
48	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine (*)	µg/l	< 0,14	100	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
49	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
50	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
51	Clodane(*)	µg/l	< 0,021	0,2	EPA 508, Revision 3.1, 1995
52	Clorotoluron(*)	µg/l	< 1,13	30	GC/EDC
53	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
54	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
55	Dichloprop(*)	µg/l	< 1,1	100	EPA 515.4
56	Fenoprop(*)	µg/l	< 1,3	9	GC/EDC

57	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	< 0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
58	Isoproturon(*)	µg/l	< 0,3	9	GC/EDC
59	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
60	Mecoprop(*)	µg/l	< 0,12	10	EPA 555
61	Methoxychlor(*)	µg/l	< 0,012	20	EPA 508, Revision 3.1, 1995
62	Molinate(*)	µg/l	< 0,020	6	NIOEH.HD.H.PP. 129:2023
63	Pendimetalin(*)	µg/l	< 1,0	20	EPA 525.2
64	Permethrin(*)	µg/l	< 0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
65	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
66	Simazine(*)	µg/l	< 0,11	2	NIOEH.HD.H.PP. 130:2023
67	Trifuralin(*)	µg/l	< 0,20	20	EPA 525.2
68	2,4,6 Triclorophenol(*)	µg/l	< 0,20	200	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
69	Bromat (*)	µg/l	< 1,2	10	NIOEH.HD.H.PP. 94:2022
70	Bromodicloromethane(*)	µg/l	0,94	60	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
71	Bromoform (Bromofoc) (*)	µg/l	0,82	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
72	Clorofom(*)	µg/l	< 0,02	300	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
73	Dibromoaxetonitrik(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
74	Dibromocloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
75	Dicloroaxetonitril(*)	µg/l	< 0,001	20	EPA 551.1
76	Axit dicloroaxetic(*)	µg/l	< 0,243	50	US EPA 552.2
77	Focmaldehyde(*)	µg/l	< 0,09	900	NIOEH.HD.H.PP. 116:2023
78	Monocloramin(*)	µg/l	< 0,09	3,0	TCVN 6225-2:2012

[illegible]

Sơn La, ngày 25 tháng 04 năm 2024

Người thực hiện

Kiểm soát

Giám đốc

Kira

[Handwritten signature]

Giám

TRUNG TÂM
KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lod: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 05 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 239/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Bắc Yên
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Phiêng Ban
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 25/T4/2024
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 239/BB ngày 02 tháng 04 năm 2024
 Ngày phân tích : 02 - 04/04/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.39	2	TCVN6184:2008
2	Màu sắc	TCU	<3.7 Lod: 3.7	15	SMEWW 2120C:2017
3	Mùi (*)	-	Không mùi	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
4	Vị (*)	-	Không vị	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
5	Chỉ số pH	-	7.83	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
6	Clo dư	mg/L	0.49	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
7	Coliform tổng số	CFU/100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
8	<i>E.coli</i>	CFU/100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	104	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH Lod: 0.08	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	0.51	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	< 0.1 Lod: 0.1	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.49	2	TCVN 6180:1996

6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9123B
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881-2011

Sơn La, ngày 08 tháng 04 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm

Kiểm soát

Tổng giám đốc



Nguyễn Hoàng Lân

Đỗ Quang Phụng

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2024.04.25.09/TN



Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
Loại mẫu : Nước sinh hoạt cuối mạng lưới – GD Lê Thị Kim Dung – TK Phiêng Ban – TT Bắc Yên – CNCN Bắc Yên
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 2024.04.02/BBGM. Ngày 02 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500- NH_4^+E :2017
2	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
3	Hàm lượng Bari(*)	mg/l	0,045	0,7	SMEWW 3125:2012
4	Hàm lượng Bo(*)	mg/l	0,031	0,3	SMEWW 3125:2012
5	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
6	Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
7	Chromium (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,00393)	0,05	TCCS HD – 02/01
8	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
9	Florua(*)	mg/l	< 0,07	1,5	SMEWW 4500F-D:2017
10	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	2	TCCS HD – 01/01
11	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
12	Natri(*)	mg/l	2,40	200	SMEWW 3111.B:2017

13	Nhôm(*)	mg/l	0,11	0,2	SMEWW 3125B:2017
14	Nickel (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,07	TCCS HD – 02/01
15	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
16	Sunfat (SO ₄ ²⁻)(*)	mg/l	< 10	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E:2017
17	Sunfua (S ²⁻)(*)	mg/l	< 0,026	0,05	SMEWW 4500 S ²⁻ D:2017
18	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod: 0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
19	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	228	1000	SMEWW 2540 C:2017
20	Hàm lượng Xianua(*)	mg/l	< 0,002	0,05	SMEWW4500-CN ⁻ .F :2017
21	1,1,1 - Tricloroetan(*)	µg/l	< 0,04	2000	EPA 524.2
22	1,2 Dicloroetan(*)	µg/l	< 0,03	30	EPA 524.2
23	1,2 Dicloroeten(*)	µg/l	< 0,03	50	EPA 524.2
24	Cacbonetetraclorua(*)	µg/l	< 0,26	2	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
25	Diclorometan(*)	µg/l	< 0,13	20	EPA 524.2
26	Tetracloroeten(*)	µg/l	< 9,0	40	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
27	Tricloroeten(*)	µg/l	< 0,02	20	EPA 524.2
28	Vinyl clorua(*)	µg/l	< 0,02	0,3	EPA 524.2
29	Benzen(*)	µg/l	< 0,3	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
30	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510 C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
31	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP. 44:2022
32	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
33	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510 C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
34	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510 C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003

35	1,2 - Diclorobenzen(*)	µg/l	< 14,0	1000	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
36	Monoclo benzen(*)	µg/l	< 8,0	300	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
37	Triclorobenzen(*)	µg/l	< 0,26	20	EPA 524.2
38	Acrylamide(*)	µg/l	< 0,26	0,5	NIOEH.HD.H.PP. 123:2021
39	Epiclohydrin(*)	µg/l	< 0,13	0,4	GC/ECD
40	Hexacloro butadiene (*)	µg/l	< 0,05	0,6	NIOEH.HD.H.PP. 99:2023
41	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan (*)	µg/l	< 0,05	1,0	EPA 524.2
42	1,2 - Dicloropropan (*)	µg/l	< 0,03	40	EPA 524.2
43	1,3 - Dichloropropen(*)	µg/l	< 0,03	20	EPA 524.2
44	2,4-D(*)	µg/l	< 0,04	30	EPA 515.4
45	2,4 DB(*)	µg/l	< 0,15	90	EPA 515.4
46	Alachlor(*)	µg/l	< 6,0	20	GC/FID
47	Aldicarb(*)	µg/l	< 2,1	10	EPA 531.2
48	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine (*)	µg/l	< 0,14	100	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
49	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
50	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
51	Clodane(*)	µg/l	< 0,021	0,2	EPA 508, Revision 3.1, 1995
52	Clorotoluron(*)	µg/l	< 1,13	30	GC/EDC
53	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
54	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
55	Dichloprop(*)	µg/l	< 1,1	100	EPA 515.4

56	Fenoprop(*)	µg/l	< 1,3	9	GC/EDC
57	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	< 0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
58	Isoproturon(*)	µg/l	< 0,3	9	GC/EDC
59	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
60	Mecoprop(*)	µg/l	< 0,12	10	EPA 555
61	Methoxychlor(*)	µg/l	< 0,012	20	EPA 508, Revision 3.1, 1995
62	Molinate(*)	µg/l	< 0,020	6	NIOEH.HD.H.PP. 129:2023
63	Pendimetalin(*)	µg/l	< 1,0	20	EPA 525.2
64	Permethrin(*)	µg/l	< 0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
65	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
66	Simazine(*)	µg/l	< 0,11	2	NIOEH.HD.H.PP. 130:2023
67	Trifluralin(*)	µg/l	< 0,20	20	EPA 525.2
68	2,4,6 Triclorophenol(*)	µg/l	< 0,20	200	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
69	Bromat (*)	µg/l	< 1,2	10	NIOEH.HD.H.PP. 94:2022
70	Bromodicloromethane(*)	µg/l	0,99	60	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
71	Bromoform (Bromofoc (*))	µg/l	0,87	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
72	Clorofom(*)	µg/l	< 0,02	300	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
73	Dibromoaxetonitril(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
74	Dibromocloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
75	Dicloroaxetonitril(*)	µg/l	< 0,001	20	EPA 551.1
76	Axit dicloroaxetic(*)	µg/l	< 0,243	50	US EPA 552.2
77	Focmaldehyde(*)	µg/l	< 0,09	900	NIOEH.HD.H.PP. 116:2023

78	Monocloramin(*)	µg/l	< 0,09	3,0	TCVN 6225-2:2012
79	Monochloroacetic acid(*)	µg/l	< 0,21	20	US EPA 552.2
80	Tricloroaxetic acid(*)	µg/l	< 0,02	200	US EPA 552.2
81	Tricloroaxetonitril(*)	µg/l	< 0,004	1	US EPA 551.1
82	Tổng hoạt độ α(*)	Bq/l	0,045	0,1	Tham chiếu TCVN 6053: 2011
83	Tổng hoạt độ β (*)	Bq/l	< 0,002	1,0	Tham Chiếu TCVN 6219: 2011

Sơn La, ngày 25 tháng 04 năm 2024

Người thực hiện

Kiểm soát

Giám đốc



Là Văn Khải



Phạm Văn Thế




Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Loq: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 05 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA SƠN LA PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017 Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/					
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Số: 241/2024					
Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Bắc Yên Vị trí lấy mẫu : Vòi nước SH nhà Lê Thị Kim Dung - TK Phiêng Ban - TT Bắc Yên Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 27/T4/2024 Số lượng mẫu : 01 Biên bản giao mẫu : Số 241/BB ngày 02 tháng 04 năm 2024 Ngày phân tích : 02 - 04/04/2024					
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM					
TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	1.02	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	8.25	15	SMEWW 2120C:2017
3	Mùi (*)	-	Không mùi	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
4	Vị (*)	-	Không vị	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
5	Chỉ số pH	-	7.83	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
6	Clo dư	mg/L	0.42	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
7	Coliform tổng số	CFU/100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
8	E.coli	CFU/100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	70	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH Lod: 0.08	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	0.54	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	< 0.1 Lod: 0.1	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.79	2	TCVN 6180:1996

6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9123B
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881-2011

Sơn La, ngày 08 tháng 04 năm 2024

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**



Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát



Đỗ Quang Phụng

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILÁT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2024.04.25.09/TN



Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
Loại mẫu : Nước sinh hoạt giữa mạng lưới – GD Nguyễn Văn Hùng – TK1 – TT Bắc Yên – CNCN Bắc Yên
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 2024.04.02/BBGM. Ngày 02 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)(*)	mg/l	< 0,12	0,3	SMEWW 4500- NH_4^+ E:2017
2	Hàm lượng Antimon (Sb)	mg/l	KPH (Lod: 0,00337)	0,02	TCCS HD – 03/01
3	Hàm lượng Bari(*)	mg/l	0,022	0,7	SMEWW 3125:2012
4	Hàm lượng Bo(*)	mg/l	0,019	0,3	SMEWW 3125:2012
5	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod: 0,00054)	0,003	TCCS HD – 02/01
6	Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,01	TCCS HD – 02/01
7	Chromium (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,00393)	0,05	TCCS HD – 02/01
8	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	1	TCCS HD – 01/01
9	Florua(*)	mg/l	< 0,07	1,5	SMEWW 4500F-D:2017
10	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	KPH (Lod: 0,035)	2	TCCS HD – 01/01
11	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
12	Natri(*)	mg/l	2,33	200	SMEWW 3111.B:2017

13	Nhôm(*)	mg/l	0,05	0,2	SMEWW 3125B:2017
14	Nickel (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,07	TCCS HD – 02/01
15	Seleni (Se)	mg/l	KPH (Lod: 0,00058)	0,01	TCCS HD – 03/01
16	Sunfat (SO_4^{2-})(*)	mg/l	< 10	250	SMEWW 4500 SO_4^{2-} E:2017
17	Sunfua (S^{2-})(*)	mg/l	< 0,026	0,05	SMEWW 4500 S^{2-} D:2017
18	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod: 0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
19	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	215	1000	SMEWW 2540 C:2017
20	Hàm lượng Xianua(*)	mg/l	< 0,002	0,05	SMEWW4500-CN .F :2017
21	1,1,1 - Tricloroetan(*)	µg/l	< 0,04	2000	EPA 524.2
22	1,2 Dicloroetan(*)	µg/l	< 0,03	30	EPA 524.2
23	1,2 Dicloroeten(*)	µg/l	< 0,03	50	EPA 524.2
24	Cacbontetraclorua(*)	µg/l	< 0,26	2	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
25	Diclorometan(*)	µg/l	< 0,13	20	EPA 524.2
26	Tetracloroeten(*)	µg/l	< 9,0	40	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
27	Tricloroeten(*)	µg/l	< 0,02	20	EPA 524.2
28	Vinyl clorua(*)	µg/l	< 0,02	0,3	EPA 524.2
29	Benzen(*)	µg/l	< 0,3	10	EPA 3510C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
30	Etylbenzen(*)	µg/l	< 9,0	300	EPA 3510 C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
31	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	< 0,15	1	NIOEH.HD.H.PP. 44:2022
32	Styren(*)	µg/l	< 5,0	20	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
33	Toluen(*)	µg/l	< 9,0	700	EPA 3510 C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003
34	Xylen(*)	µg/l	< 9,0	500	EPA 3510 C & EPA 8015D, Revision 4, June 2003

35	1,2 - Diclorobenzen(*)	µg/l	< 14,0	1000	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
36	Monoclo benzen(*)	µg/l	< 8,0	300	EPA 524.2, Revision 4.1, 1995
37	Triclorobenzen(*)	µg/l	< 0,26	20	EPA 524.2
38	Acrylamide(*)	µg/l	< 0,26	0,5	NIOEH.HD.H.PP. 123:2021
39	Epiclohydrin(*)	µg/l	< 0,13	0,4	GC/ECD
40	Hexacloro butadiene (*)	µg/l	< 0,05	0,6	NIOEH.HD.H.PP. 99:2023
41	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan (*)	µg/l	< 0,05	1,0	EPA 524.2
42	1,2 – Dicloropropan (*)	µg/l	< 0,03	40	EPA 524.2
43	1,3 - Dichloropropen(*)	µg/l	< 0,03	20	EPA 524.2
44	2,4-D(*)	µg/l	< 0,04	30	EPA 515.4
45	2,4 DB(*)	µg/l	< 0,15	90	EPA 515.4
46	Alachlor(*)	µg/l	< 6,0	20	GC/FID
47	Aldicarb(*)	µg/l	< 2,1	10	EPA 531.2
48	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine (*)	µg/l	< 0,14	100	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
49	Carbofuran(*)	µg/l	< 0,01	5	EPA 531.2
50	Chlorpyrifos(*)	µg/l	< 0,01	30	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
51	Clodane(*)	µg/l	< 0,021	0,2	EPA 508, Revision 3.1, 1995
52	Clorotoluron(*)	µg/l	< 1,13	30	GC/EDC
53	Cyanazine(*)	µg/l	< 0,016	0,6	US EPA 525.3
54	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	< 0,016	1	TCVN 7876:2008
55	Dichloprop(*)	µg/l	< 1,1	100	EPA 515.4

56	Fenoprop(*)	µg/l	< 1,3	9	GC/EDC
57	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	< 0,081	200	NIOEH.HD.H.PP. 100:2023
58	Isoproturon(*)	µg/l	< 0,3	9	GC/EDC
59	MCPA(*)	µg/l	< 0,35	2	NIOEH.HD.H.PP. 121:2023
60	Mecoprop(*)	µg/l	< 0,12	10	EPA 555
61	Methoxychlor(*)	µg/l	< 0,012	20	EPA 508, Revision 3.1, 1995
62	Molinate(*)	µg/l	< 0,020	6	NIOEH.HD.H.PP. 129:2023
63	Pendimetalin(*)	µg/l	< 1,0	20	EPA 525.2
64	Permethrin(*)	µg/l	< 0,05	20	NIOEH.HD.H.PP. 119:2023
65	Propanil(*)	µg/l	< 0,1	20	NIOEH.HD.H.PP. 114:2023
66	Simazine(*)	µg/l	< 0,11	2	NIOEH.HD.H.PP. 130:2023
67	Trifluralin(*)	µg/l	< 0,20	20	EPA 525.2
68	2,4,6 Triclorophenol(*)	µg/l	< 0,20	200	EPA 8270D, Revision 5, July 2014
69	Bromat (*)	µg/l	< 1,2	10	NIOEH.HD.H.PP. 94:2022
70	Bromodichloromethane(*)	µg/l	0,90	60	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
71	Bromoform (Bromofoc) (*)	µg/l	0,73	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
72	Clorofom(*)	µg/l	< 0,02	300	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
73	Dibromoaxetonitril(*)	µg/l	< 0,001	70	EPA 551.1
74	Dibromochloromethane(*)	µg/l	< 0,07	100	NIOEH.HD.H.PP. 115:2023
75	Dicloroaxetonitril(*)	µg/l	< 0,001	20	EPA 551.1
76	Axit dicloroaxetic(*)	µg/l	< 0,243	50	US EPA 552.2
77	Focmaldehyde(*)	µg/l	< 0,09	900	NIOEH.HD.H.PP. 116:2023

78	Monocloramin(*)	µg/l	< 0,09	3,0	TCVN 6225-2:2012
79	Monochloroacetic acid(*)	µg/l	< 0,21	20	US EPA 552.2
80	Tricloroaxetic acid(*)	µg/l	< 0,02	200	US EPA 552.2
81	Tricloroaxetonitril(*)	µg/l	< 0,004	1	US EPA 551.1
82	Tổng hoạt độ α(*)	Bq/l	0,021	0,1	Tham chiếu TCVN 6053: 2011
83	Tổng hoạt độ β (*)	Bq/l	< 0,002	1,0	Tham Chiếu TCVN 6219: 2011

Sơn La, ngày 25 tháng 04 năm 2024

Người thực hiện

Kiểm soát

Giám đốc



Là Văn Khải



Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Loq: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 05 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 240/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Chi nhánh cấp nước Bắc Yên
 Vị trí lấy mẫu : Vòi nước sinh hoạt nhà Nguyễn Văn Hùng - TK1 - TT Bắc Yên
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 26/T4/2024
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 240/BB ngày 02 tháng 04 năm 2024
 Ngày phân tích : 02 - 04/04/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	1.42	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	6.14	15	SMEWW 2120C:2017
3	Mùi (*)	-	Không mùi	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
4	Vị (*)	-	Không vị	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
5	Chỉ số pH	-	7.84	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
6	Clo dư	mg/L	0.38	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
7	Coliform tổng số	CFU/100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
8	<i>E.coli</i>	CFU/100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019
Các thông số nhóm B					
1	Độ cứng tổng (tính theo CaCO ₃)	mg/L	72	300	TCVN 6224:1996
2	Nitrit (NO ₂ tính theo N)	mg/L	KPH Lod: 0.08	0.05	TCVN 6178:1996
3	Pecmanganat	mg/L	0.58	2	TCVN 6186: 1996
4	Sắt	mg/L	< 0.1 Lod: 0.1	0.3	TCVN 6177:1996
5	Nitrat (NO ₃ tính theo N)	mg/L	0.80	2	TCVN 6180:1996

6	Tụ cầu vàng	CFU/ 100mL	0	<1	SMEWW 9123B
7	Trực khuẩn mủ xanh	CFU/ 100mL	0	<1	TCVN 8881-2011

Sơn La, ngày 08 tháng 04 năm 2024

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phụng

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 275/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước TP số 1
Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Nhà máy nước Bó Cá
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 61/T4/2024
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 275/BB ngày 02 tháng 04 năm 2024
Ngày phân tích : 02 - 04/04/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.66	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	<3.7 Lod: 3.7	15	SMEWW 2120C:2017
3	Mùi (*)	-	Không mùi	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
4	Vị (*)	-	Không vị	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
5	Chỉ số pH	-	7.68	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
6	Clo dư	mg/L	0.52	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
7	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
8	E.coli	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 08 tháng 04 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2024.04.25.18/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa Nhà máy nước Bó Cá – XNCN TP số 1
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.04.02/BBGM. Ngày 02 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01

Sơn La, ngày 25 tháng 04 năm 2024
Giám đốc

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
 Số: 267/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước TP số 1
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Nà Coóng
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 53/T4/2024
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 2267/BB ngày 02 tháng 04 năm 2024
 Ngày phân tích : 02 - 04/04/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.23	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	3.86	15	SMEWW 2120C:2017
3	Mùi (*)	-	Không mùi	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
4	Vị (*)	-	Không vị	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
5	Chỉ số pH	-	7.57	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
6	Clo dư	mg/L	0.74	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
7	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
8	E.coli	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 08 tháng 04 năm 2024

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2024.04.25.19/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa Trạm cấp nước Nà Cóong – XNCN TP 1
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.04.02/BBGM. Ngày 02 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 04 năm 2024

Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 268/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước TP số 1
 Vị trí lấy mẫu : Vòi nước sinh hoạt nhà Đắc Mai - SN 266 - Tổ 6 - P.Tô Hiệu
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 54/T4/2024
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 268/BB ngày 02 tháng 04 năm 2024
 Ngày phân tích : 02 - 04/04/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.80	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	<3.7 Lod: 3.7	15	SMEWW 2120C:2017
3	Mùi (*)	-	Không mùi	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
4	Vị (*)	-	Không vị	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
5	Chỉ số pH	-	7.71	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
6	Clo dư	mg/L	0.42	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
7	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
8	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 08 tháng 04 năm 2024

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc



Nguyễn Hoàng Lâm

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.04.25.30/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt cuối mạng lưới – GD Đắc Mai – số nhà 226 – Tổ 6 – Tô Hiệu – XNCN TP số 1
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.04.02/BBGM. Ngày 02 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01

Sơn La, ngày 25 tháng 04 năm 2024

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 269/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước TP số 1
Vị trí lấy mẫu : Vòi nước sinh hoạt nhà Hoàng Thị Xoa - SN73 - Đ. Lò Văn Giá
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 55/T4/2024
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 269/BB ngày 02 tháng 04 năm 2024
Ngày phân tích : 02 - 04/04/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.73	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	<3.7 Lod: 3.7	15	SMEWW 2120C:2017
3	Mùi (*)	-	Không mùi	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
4	Vị (*)	-	Không vị	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
5	Chỉ số pH	-	7.73	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
6	Clo dư	mg/L	0.40	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
7	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
8	E.coli	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 08 tháng 04 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc



Nguyễn Hoàng Lân

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2024.04.25.29/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt giữa mạng lưới – GD Hoàng Thị Xoa – số nhà 73 – Lò Văn Giá – XNCN TP số 1
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.04.02/BBGM. Ngày 02 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 04 năm 2024
Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 215/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước thành phố số 2
 Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Viện 6
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 01/T4/2024
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 215/BB ngày 02 tháng 04 năm 2024
 Ngày phân tích : 02 - 04/04/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

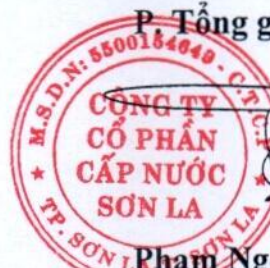
TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.21	2	TCVN6184:2008
2	Màu sắc	TCU	<3.7 Lođ: 3.7	15	SMEWW 2120C:2017
3	Mùi (*)	-	Không mùi	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
4	Vị (*)	-	Không vị	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
5	Chỉ số pH	-	7.78	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
6	Clo dư	mg/L	0.50	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
7	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
8	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 08 tháng 04 năm 2024

**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc



Nguyễn Hoàng Lân

Đỗ Quang Phương

Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.04.25.20/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa Trạm cấp nước Viện 6 – XNCN TP số 2
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.04.02/BBGM. Ngày 02 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 04 năm 2024

Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 216/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước thành phố số 2
Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Km 7
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 02/T4/2024
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 216/BB ngày 02 tháng 04 năm 2024
Ngày phân tích : 02 - 04/04/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.29	2	TCVN6184:2008
2	Màu sắc	TCU	<3.7 Lod: 3.7	15	SMEWW 2120C:2017
3	Mùi (*)	-	Không mùi	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
4	Vị (*)	-	Không vị	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
5	Chỉ số pH	-	7.72	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
6	Clo dư	mg/L	0.49	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
7	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
8	E.coli	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 08 tháng 04 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2024.04.25.21/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa Trạm cấp nước Km 7 – XNCN TP số 2
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.04.02/BBGM. Ngày 02 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 04 năm 2024
Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 217/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước thành phố số 2
Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Km 10
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 03/T4/2024
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 217/BB ngày 02 tháng 04 năm 2024
Ngày phân tích : 02 - 04/04/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.34	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	<3.7 Lod: 3.7	15	SMEWW 2120C:2017
3	Mùi (*)	-	Không mùi	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
4	Vị (*)	-	Không vị	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
5	Chỉ số pH	-	7.71	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
6	Clo dư	mg/L	0.45	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
7	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
8	E.coli	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 08 tháng 04 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phụng

Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2024.04.25.22/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa Trạm cấp nước Km 10 – XNCN TP số 2
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.04.02/BBGM. Ngày 02 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01

Sơn La, ngày 25 tháng 04 năm 2024
Giám đốc

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

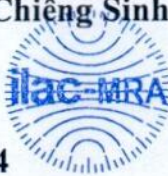
- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 218/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước thành phố số 2
Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Chiềng Sinh
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 04/T4/2024
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 218/BB ngày 02 tháng 04 năm 2024
Ngày phân tích : 02- 04/04/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.10	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	<3.7 Lod: 3.7	15	SMEWW 2120C:2017
3	Mùi (*)	-	Không mùi	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
4	Vị (*)	-	Không vị	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
5	Chỉ số pH	-	7.55	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
6	Clo dư	mg/L	0.46	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
7	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
8	E.coli	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 08 tháng 04 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.04.25.23/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa Trạm cấp nước Chiềng Sinh – XNCN TP số 2
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.04.02/BBGM. Ngày 02 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 04 năm 2024

Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn/

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 219/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước thành phố số 2
Vị trí lấy mẫu : Vòi nước SH nhà Nguyễn Thị Phương (Thế)- Tổ 5 - P. Quyết Tâm
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 05/T4/2024
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 219/BB ngày 05 tháng 04 năm 2024
Ngày phân tích : 02 - 04/04/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCDP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.34	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	<3.7 Lod: 3.7	15	SMEWW 2120C:2017
3	Mùi (*)	-	Không mùi	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
4	Vị (*)	-	Không vị	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
5	Chỉ số pH	-	7.46	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
6	Clo dư	mg/L	0.41	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
7	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
8	E.coli	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 08 tháng 04 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2024.04.25.31/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt giữa mạng lưới – GD Nguyễn Thị Phương – Tổ 5 – Quyết Tâm – XNCN TP số 2
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.04.02/BBGM. Ngày 02 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01

Sơn La, ngày 25 tháng 04 năm 2024
Giám đốc

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 220/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước thành phố số 2
 Vị trí lấy mẫu : Vòi nước sinh hoạt nhà Nguyễn Thị Thắng - Tổ 3 - P. Chiềng Sinh
 Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 06/T4/2024
 Số lượng mẫu : 01
 Biên bản giao mẫu : Số 220/BB ngày 02 tháng 04 năm 2024
 Ngày phân tích : 02 - 04/04/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số nhóm A	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
1	Độ đục	NTU	0.16	2	TCVN6184:2008
2	Màu sắc	TCU	<3.7 Lod: 3.7	15	SMEWW 2120C:2017
3	Mùi (*)	-	Không mùi	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
4	Vị (*)	-	Không vị	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
5	Chỉ số pH	-	7.65	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
6	Clo dư	mg/L	0.40	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
7	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
8	<i>E.coli</i>	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 08 tháng 04 năm 2024

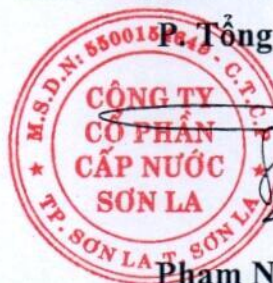
**Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm**

Nguyễn Hoàng Lân

Kiểm soát

Đỗ Quang Phương

P. Tổng giám đốc



Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2024.04.25.32/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt cuối mạng lưới – GD Nguyễn Thị Thắng – Tổ 3 – Chiềng Sinh – XNCN TP số 2
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.04.02/BBGM. Ngày 02 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 04 năm 2024
Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA SƠN LA
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017

Địa chỉ: Tổ 6, phường Chiềng Lề, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 1900636761 Email: sowasuco@gmail.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 245/2024

Tên đơn vị yêu cầu : Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn
Vị trí lấy mẫu : Bể chứa nước sạch - Trạm cấp nước Nà Sản
Loại mẫu : Nước sinh hoạt - Mã số 31/T4/2024
Số lượng mẫu : 01
Biên bản giao mẫu : Số 245/BB ngày 02 tháng 04 năm 2024
Ngày phân tích : 02 - 04/04/2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 01:2023/SL	Phương pháp phân tích
Các thông số nhóm A					
1	Độ đục	NTU	0.21	2	TCVN 6184:2008
2	Màu sắc	TCU	<3.7 Lod: 3.7	15	SMEWW 2120C:2017
3	Mùi (*)	-	Không mùi	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
4	Vị (*)	-	Không vị	không có mùi, vị lạ	Theo phương pháp nội bộ PPNB-03
5	Chỉ số pH	-	7.48	6.0 - 8.5	Theo phương pháp nội bộ PPNB-01
6	Clo dư	mg/L	0.41	0.2 - 1	Phương pháp PP-CLD
7	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	0	< 3	TCVN 6187-1:2019
8	E.coli	CFU/ 100mL	0	< 1	TCVN 6187-1:2019

Sơn La, ngày 08 tháng 04 năm 2024

Phụ trách Kỹ thuật
bộ phận thử nghiệm

Kiểm soát

P. Tổng giám đốc


Nguyễn Hoàng Lân


Đỗ Quang Phương


Phạm Ngọc Dũng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến
- (*) Các chỉ tiêu thử nghiệm chưa được công nhận VILAT.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2024.04.25.25/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Nước sinh hoạt tại bể chứa Trạm cấp nước Nà Sản – XNCN Mai Sơn
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.04.02/BBGM. Ngày 02 tháng 04 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01:2023/ SL	Phương pháp phân tích
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/l	KPH (Lod: 0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Sơn La, ngày 25 tháng 04 năm 2024
Giám đốc

Là Văn Khải

Phạm Văn Thế



Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 01 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng